ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Tỉ lệ đánh giá: 100 %

Ngày nộp điểm: 17/01/14

BẢNG GHI ĐIỂM

Thi. **Học kỳ** 1 **Năm học** 13-14

MÔN HỌC Dung sai - Kỹ thuật đo — Mã MH 202013

Số tín chỉ 3 — Nhóm - tổ A01 - A

Ngày thi 02/01/14 Phòng thi 502C4 — Tiết thi 2-4

CBGD chính Nguyễn Lê Quang — Mã số CB 0.1295

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm số THI	Điểm số QT	Điểm số TB	Điểm chữ	Ghi chú
1	21100013	Nguyễn Duy	An			6	7,5	7,0	Bảy	
2	21100186	Trần Trọng	Ân			6,5	8,0	7,5	Bảy rưỡi	
3	21100270	Trương Quang	Biển			6,5	8,2	7,5	Bảy rưỡi	
4	20800132	Lê Nguyễn Thanh	Bình			6	7,5	7,0	Bảy	
5	21100414	Đinh Tấn	Công			00	6,3	4,0	Bốn	
6	21100476	Phạm Quốc	Cường			3	8,2	6,5	Sáu rưỡi	
7	21100555	Đinh Nguyễn Đỗ	Duy			6	8,5	7,5	Bảy rưỡi	
8	21100737	Nguyễn Tấn	Đạt			4	8,5	7,0	Bảy	
9	21100821	Nguyễn Thành	Đôn			4,5	8,7	7,5	Bảy rưỡi	
10	20700550	Nguyễn Anh	Đương			01	0,4	01	Một	
11	21100957	Dương Tuấn	Hải			6	8,4	7,5	Bảy rưỡi	
12	21100994	Nhan Ngọc	Hải			6	9,1	8,0	Tám	
13	21101289	Phan Quốc	Hòa			5,5	7,8	7,0	Bảy	
14	20800688	Nguyễn Lê Kiều	Hoan			2	4,2	3,5	Ba rưỡi	
15	21101250	Nguyễn Thọ	Hoàng			2,5	9,2	7,0	Bảy	
16	21001129	Phạm Huy	Hoàng			3	6,7	5,5	Năm rưỡi	
17	21101260	Trần Tấn	Hoàng			5	8,6	7,5	bảy rưỡi	
18	21101302	Đinh Ngọc	Hồ			4	8,5	7,0	Bảy	
19	21101392	Trương Bá	Huy			5	7,9	7,0	Bảy	
20	21101461	Cao Quang	Hưng			6	9,2	8,0	Tám	
21	21101571	Trương Anh Quốc	Khanh			4	8,4	7,0	Bảy	
22	21101716	Huỳnh Tuấn	Kiệt			5	8,5	7,5	Bảy rưỡi	
23	21101746	Dương Duy	Lai			5	8,5	7,5	Bảy rưỡi	
24	21101808	Lê Ngọc	Liêm			5	7,8	7,0	Bảy	
25	21101952	Phan Đình	Lộc			5	9	7,5	Bảy rưỡi	
26	20704289	Tạ Trọng	Luân			3	6,6	5,5	Năm rưỡi	
27	21102032	Lê Văn	Mẫn			6	8,9	8,0	Tám	
28	21102134	Ngô Văn	Nam			4	8,0	7,0	Bảy	
29	21102139	Nguyễn Hoàng	Nam			7	8,8	8,0	Tám	
30	21102225	Nguyễn Quang	Nghĩa			5	8,6	7,5	Bảy rưỡi	
		Xem tiếp trang 2								

Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau

Tp.HCM, *ngày* 14 *tháng* 1 *năm* 2014

Xác nhận BM/Khoa .....

(Ký và ghi rõ họ tên)

CB Chấm .....

Trần Nguyên Duy Phương

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG GHI ĐIỂM

Tỉ lệ đánh giá: 100 %

Ngày nộp điểm:

MÔN HỌC Thi Dung sai - Kỹ thuật đo — Học kỳ 1 — Năm học 13-14
Số tín chỉ 3 — Mã MH 202013
Ngày thi 02/01/14 — Phòng thi 502C4 — Nhóm - tổ A01 - A
CBGD chính Nguyễn Lê Quang — Tiết thi 2-4
Mã số CB 0.1295

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm số THI	Điểm số QT	Điểm chữ TB	Ghi chú
31	21002234	Nguyễn Đức	Nhân		Nhân	3	6,3	5,5	Năm rưỡi
32	21102390	Trương Thành	Nhân		Nhân	6	8,3	7,5	Bảy rưỡi
33	21102553	Phạm Văn	Phong		Phong	5	8,6	7,5	Bảy rưỡi
34	21102589	Biện Hà Gia	Phúc		Phúc	6	9,1	8,0	Tám
35	21102599	Lê Hạnh	Phúc		Phúc	5	7,8	7,0	Bảy
36	21003198	Huỳnh Hữu	Thịnh		Thịnh	6	9,0	8,0	Tám
37	21003689	Võ Tấn	Trung						
38	21004131	Trần Quốc	Vương		Vương	5	6,6	6,0	Sáu

Danh sách này có 38 sv. Ngày in 02/12/13

Đề nghị CBGD gởi kết quả chấm thi về PĐT trước ngày 16/01/14

Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau

Tp.HCM, *ngày* 14 *tháng* 1 *năm* 2014

Xác nhận BM/Khoa .....

(Ký và ghi rõ họ tên)

CB Chấm .....

Trần Nguyễn Duy Phương

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG GHI ĐIỂM

Thi. **Học kỳ** 1 **Năm học** 13-14

MÔN HỌC Dung sai - Kỹ thuật đo — Mã MH 202013
Số tín chỉ 3 — Nhóm - tổ A01 - B
Ngày thi 02/01/14 Phòng thi 303B8 — Tiết thi 2-4
CBGD chính Nguyễn Lê Quang — Mã số CB 0.1295

Tỉ lệ đánh giá: 100 %

Ngày nộp điểm:

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm số (THI, QT)	Điểm chữ (TB)	Ghi chú
1	21102636	Phạm Minh	Phụng			6,5 8,3	7,5 Bảy rưỡi	
2	21102672	Phạm Trịnh Lê	Phương			4,5 6,7	6,0 Sáu	
3	21102825	Nguyễn Tất	Quyền			7 8,7	8,0 Tám	
4	21102934	Nguyễn Ngọc	Sơn			5 9,3	8,0 Tám	
5	21103007	Trần Đức	Tài			5 7,6	7,0 Bảy	
6	21103070	Lê Thiên	Tân			—	—	
7	21103097	Võ Huỳnh	Tân			4 6,3	5,5 Năm rưỡi	
8	21103119	Lê Đăng	Thanh			7 7,3	7,0 Bảy	
9	21103122	Lê Nguyễn Hoàng	Thanh			5 7,8	7,0 Bảy	
10	21103205	Lê Lương Trường	Thành			6,5 8,4	8,0 Tám	
11	21103272	Nguyễn Trọng	Thảo			6,5 8,9	8,0 Tám	
12	21103320	Dương Ngọc	Thân			5 8,7	7,5 Bảy rưỡi	
13	21103323	Nguyễn Phi	Thân			3 8,2	6,5 Sáu rưỡi	
14	21103457	Vũ Chí	Thọ			5 8,5	7,5 Bảy rưỡi	
15	21103659	Hồ Quốc	Tính			5 7,8	7,0 Bảy	
16	21103838	Lê Minh	Trọng			4,5 8,0	6,5 Sáu rưỡi	
17	21103861	Lê Quang	Trung			4 8,4	7,0 Bảy	
18	21103875	Nguyễn Ngọc	Trung			4,5 9,2	7,5 Bảy rưỡi	
19	G04T1925	Đỗ Hà	Tuân			2,5 2,0	2,0 Hai	
20	21103985	Luc Anh	Tuấn			4,5 8,1	7,0 Bảy	
21	21104026	Trần Minh	Tuấn			7 8,7	8,0 Tám	
22	21104062	Vũ Mạnh	Tuyệt			3 8,3	6,5 Sáu rưỡi	
23	21104168	Nguyễn Đức Thiên	Văn			2,5 8,7	6,5 Sáu rưỡi	
24	21104235	Hoàng Tuấn	Vinh			5,5 8,8	8,0 Tám	
25	21104301	Nguyễn Bá	Vũ			4,5 9,3	8,0 Tám	

Danh sách này có 25 sv. Ngày in 02/12/13

Đề nghị CBGD gởi kết quả chấm thi về PĐT trước ngày 16/01/14

Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau

Tp.HCM, *ngày 14 tháng 1 năm 2014*

Xác nhận BM/Khoa .....
(Ký và ghi rõ họ tên)

CB Chấm Trần Nguyễn Duy Phương
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Tỉ lệ đánh giá: 100 %

Ngày nộp điểm:

BẢNG GHI ĐIỂM

Thi. **Học kỳ** 1 **Năm học** 13-14
MÔN HỌC Dung sai - Kỹ thuật đo Mã MH 202013
Số tín chỉ 3 Nhóm - tổ A03 - A
Ngày thi 02/01/14 Phòng thi 601C6 Tiết thi 2-4
CBGD chính Nguyễn Lê Quang Mã số CB 0.1295

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm số THI	Điểm số QT	Điểm số TB	Điểm chữ	Ghi chú
1	21100263	Đoàn Văn	Bi			5	8,6	7,5	bảy rưỡi	
2	21100335	Võ Minh	Cang		Cang	5	8,7	7,5	bảy rưỡi	
3	21100527	Nguyễn Tấn	Doanh			5	8,2	7,0	bảy	
4	21100602	Võ Đình	Duy			5	8,5	7,5	bảy rưỡi	
5	21100654	Bạch Trùng	Dương			5	6,7	6,0	sáu	
6	21100724	Huỳnh Tấn	Đạt			5	6,3	7,5	bảy rưỡi	
7	21100964	Huỳnh Nguyễn Hoàng	Hải		Hải	4	4,3	4,0	bốn	
8	21100996	Phan Tuấn	Hải			6	8,6	8,0	tám	
9	21101292	Phạm Viết	Hòa		Hoà	5,5	8,2	7,5	bảy rưỡi	
10	21101228	Lê Nguyễn Trong	Hoàng			5	6,3	7,5	bảy rưỡi	
11	21101253	Phạm Huy	Hoàng			4,5	8,2	7,0	bảy	
12	21101576	Đặng Thanh	Khánh			5,5	7,5	7,0	bảy	
13	21101729	Trần Tuấn	Kiệt			4	7,8	6,5	sáu rưỡi	
14	21101888	Đặng Phi	Long			2	7,4	6,0	sáu	
15	21102042	Dương Quang	Minh			5	6,8	6,5	sáu rưỡi	
16	21102087	Phạm Hữu	Minh			6	9,0	8,0	tám	
17	21102202	Trần Minh	Ngân		Ngan	2	8,7	6,5	sáu rưỡi	
18	21102208	Bùi Thành Đại	Nghĩa			2	8,4	6,5	sáu rưỡi	
19	21102217	Lê Minh	Nghĩa			5	8,5	7,5	bảy rưỡi	
20	21102273	Nguyễn Văn	Ngọc			5,5	8,9	8,0	tám	
21	21102383	Nguyễn Trọng	Nhân			4	8,3	7,0	bảy	
22	21102506	Nguyễn Hoàng	Phát			4	8,0	6,5	sáu rưỡi	
23	21102534	Đoàn Nhật	Phong			6,5	6,7	6,5	sáu rưỡi	
24	21102662	Nguyễn Bình	Phương			7,5	7,0	7,0	bảy	
25	21102739	Trần Hoàng Duy	Quang			5	7,5	6,5	sáu rưỡi	
26	21102972	Đinh Tiến	Sỹ			6	7,8	7,0	bảy	
27	21103078	Nguyễn Đức	Tân			6	7,9	7,5	bảy rưỡi	
28	21103092	Tất Quốc	Tân			4,5	8,0	7,0	bảy	
29	21103306	Nguyễn Quốc	Thắng							
30	21103503	Trần Hồng	Thuận		Thuận	4,5	8,4	7,0	bảy	

Xem tiếp trang 2

Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau

Tp.HCM, *ngày* 14 *tháng* 1 *năm* 2014

Xác nhận BM/Khoa .....
(Ký và ghi rõ họ tên)

CB Chấm .....
Trần Nguyễn Duy Phương
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG GHI ĐIỂM

Tỉ lệ đánh giá: 100 %

Ngày nộp điểm:

MÔN HỌC Thi Dung sai - Kỹ thuật đo — Học kỳ 1 — Năm học 13-14
Số tín chỉ 3 — Mã MH 202013
Ngày thi 02/01/14 — Phòng thi 601C6 — Nhóm - tổ A03 - A
CBGD chính Nguyễn Lê Quang — Tiết thi 2-4
Mã số CB 0.1295

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm số (THI)	Điểm số (QT)	Điểm chữ (TB)	Ghi chú
31	21103749	Trần Văn	Trắng			2	7,0	6,0	sáu
32	21103764	Lê Minh	Triết			4	8,6	7,0	bảy
33	21003680	Trần Bảo	Trung			3	7,7	6,5	sáu rưỡi
34	21103906	Uông Sỹ	Trung			5,5	8,6	7,5	bảy rưỡi
35	21103924	Đặng Nhật	Trường			4,5	8,5	7,5	bảy rưỡi
36	21103989	Lưu Văn	Tuấn			6,5	8,1	7,5	bảy rưỡi
37	21104123	Phạm Ngọc	Tùng			5,5	8,6	7,5	bảy rưỡi
38	21104283	Chế Bá	Vũ			5,5	8,5	7,5	bảy rưỡi
39	21004128	Phạm Vũ Từ	Vương			4,5	4,5	6,5	sáu rưỡi
40	21104401	Phan Võ	Y			4,5	8,1	7,0	bảy

Danh sách này có 40 sv. Ngày in 02/12/13

Đề nghị CBGD gởi kết quả chấm thi về PĐT trước ngày 16/01/14

Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau

Tp.HCM, *ngày* 14 *tháng* 1 *năm* 2014

Xác nhận BM/Khoa .....
(Ký và ghi rõ họ tên)

CB Chấm .....
(Ký và ghi rõ họ tên) Trần Nguyên Duy Phương

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG GHI ĐIỂM

Thi. **Học kỳ** 1 **Năm học** 13-14

MÔN HỌC Dung sai - Kỹ thuật đo — Mã MH 202013
Số tín chỉ 3 — Nhóm - tổ A03 - B
Ngày thi 02/01/14 Phòng thi 303B8 — Tiết thi 2-4
CBGD chính Nguyễn Lê Quang — Mã số CB 0.1295

Tỉ lệ đánh giá: 100 %

Ngày nộp điểm:

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm số THI	Điểm số QT	Điểm chữ TB	Ghi chú
1	20900871	Nguyễn Tấn	Hiệp			4,5	8,3	7,5 Bảy rưỡi	
2	21002051	Phạm Hoàng Sơn	Nam			6	6,6	6,5 Sáu rưỡi	
3	20801327	Trịnh Như	Nam			5	8,7	7,5 Bảy rưỡi	
4	21002178	Nguyễn Trung	Nguyên			4	6,5	5,5 Năm rưỡi	
5	20902537	Đào Đức	Thắng		Vắng	—		—	
6	21307114	Vũ Văn	Thiết		Vắng	—		—	Thi
7	21307131	Từ Thúy	Tước		Thi	4,5	8,7	6,5 Sáu rưỡi	

Danh sách này có 7 sv. Ngày in 02/12/13

Đề nghị CBGD gởi kết quả chấm thi về PĐT trước ngày 16/01/14

Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau

Tp.HCM, *ngày* 14 *tháng* 1 *năm* 2014

Xác nhận BM/Khoa .....

(Ký và ghi rõ họ tên)

CB Chấm .....

Trần Nguyễn Duy Phương

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG GHI ĐIỂM

Thi. **Học kỳ** 1 **Năm học** 13-14

MÔN HỌC Dung sai - Kỹ thuật đo — Mã MH 202013
Số tín chỉ 3 — Nhóm - tổ A05 - A
Ngày thi 02/01/14 Phòng thi 304B8 — Tiết thi 2-4
CBGD chính Trần Vũ An — Mã số CB 0.1296

Tỉ lệ đánh giá: 100 %

Ngày nộp điểm:

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm số THI	Điểm số QT	Điểm chữ TB	Ghi chú
1	21100015	Nguyễn Lê Trường	An			6	8,6	7,5	bảy rưỡi
2	21100044	Bùi Đức Tài	Anh			7,5	8,5	8,0	Tám
3	21100088	Mai Đức	Anh			6,5	7,7	7,5	bảy rưỡi
4	21100174	Đặng Thiện	Ân			4	6	5,5	Năm rưỡi
5	21100251	Trương Hoàng	Bảo			6,5	7,8	7,5	bảy rưỡi
6	21100433	Phạm Văn	Cư			4	7,5	6,5	sáu rưỡi
7	21000536	Nguyễn Quốc	Dũng						Vắng
8	21100593	Phạm Minh	Duy			4	6	5,5	Năm rưỡi
9	21100982	Nguyễn Nam	Hải			5,5	8,8	8,0	Tám
10	21101072	Trần Danh	Hâu			5,5	8,0	7,0	Bảy
11	21101090	Đoàn Minh	Hiếu			6	8,9	8,0	Tám
12	21101124	Trần Hữu Minh	Hiếu			6	7,3	7,0	Bảy
13	21101428	Lê Tiến	Hùng			6,5	8,0	7,5	Bảy rưỡi
14	21101434	Nguyễn Doãn	Hùng			5	6,5	6,0	Sáu
15	21101325	Đào Ngọc	Huy			6	8,0	7,5	Bảy rưỡi
16	21101556	Nguyễn Phan Trường	Khang			5	6,7	6,0	Sáu
17	21101927	Trương Hoàng	Long			4	8,1	7,0	Bảy
18	21102156	Nguyễn Văn	Nam			01	6	4,5	bốn rưỡi
19	21102257	Ngô Quang	Ngọc			4	8,7	7,0	Bảy
20	21102333	Nguyễn Kỳ	Nguyên			5	8,7	7,5	Bảy rưỡi
21	21102378	Nguyễn Thành	Nhân			5	6,2	6,0	Sáu
22	21102439	Phạm Hữu Kỳ	Nhơn			7	8,2	7,5	Bảy rưỡi
23	20901948	Nguyễn Thanh	Phong						Vắng
24	21102627	Trương Hoàng	Phúc			2	6,8	5,0	Năm
25	21102652	Huỳnh Võ Nam	Phương			5,5	8,0	7,0	Bảy
26	21102675	Trần Thế	Phương			6	4,8	5,0	Năm
27	21102877	Lý Thanh	Sang			6	8,6	7,5	Bảy rưỡi
28	21102916	Đỗ Ngọc	Sơn			6	8,1	7,0	Bảy
29	21102958	Tạ Dương	Sơn			6	8,9	8,0	Tám
30	21102996	Nguyễn Tấn	Tài			3	4,8	4,0	Bốn

Xem tiếp trang 2

Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau

Tp.HCM, *ngày* 16 *tháng* 1 *năm* 2014

Xác nhận BM/Khoa .....

(Ký và ghi rõ họ tên)

CB Chấm Khái Thị Thu Hà

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG GHI ĐIỂM

Thi

Tỉ lệ đánh giá: 100 %

Ngày nộp điểm:

MÔN HỌC: Dung sai - Kỹ thuật đo
Số tín chỉ: 3
Ngày thi: 02/01/14
Phòng thi: 304B8
CBGD chính: Trần Vũ An

Học kỳ: 1
Năm học: 13-14
Mã MH: 202013
Nhóm - tổ: A05 - A
Tiết thi: 2-4
Mã số CB: 0.1296

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm số (THI)	Điểm số (QT)	Điểm chữ (TB)	Ghi chú
31	21103107	Nguyễn	Tất			6	6,5	6,0	Sáu
32	21103175	Nguyễn Hữu	Thái			6	8,7	8,0	Tám
33	21103186	Trang Hoàng	Thái			5	7,1	6,5	Sáu rưỡi
34	21003142	Võ Cao	Thiên			2	00	00	Không
35	21103412	Nguyễn Hữu	Thịnh			7	8,7	8,0	Tám
36	21103558	Trịnh Minh	Thức			4	4,8	4,5	Bốn rưỡi
37	21103878	Nguyễn Quốc	Trung						Vắng
38	21003877	Lê Nguyễn Hữu	Tùng			4	5,9	5,5	Năm rưỡi
39	21104116	Nguyễn Thanh	Tùng			6	3,0	4	Bốn

Danh sách này có 39 sv. Ngày in 02/12/13

Đề nghị CBGD gởi kết quả chấm thi về PĐT trước ngày 16/01/14

Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau

Tp.HCM, *ngày* 16 *tháng* 1 *năm* 2014

Xác nhận BM/Khoa .....

(Ký và ghi rõ họ tên)

CB Chấm Khai thị thu Hà

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Tỉ lệ đánh giá: 100 %

Ngày nộp điểm:

BẢNG GHI ĐIỂM

Thi. **Học kỳ** 1 **Năm học** 13-14
MÔN HỌC Dung sai - Kỹ thuật đo — Mã MH 202013
Số tín chỉ 3 — Nhóm - tổ A05 - B
Ngày thi 02/01/14 Phòng thi 302C4 — Tiết thi 2-4
CBGD chính Trần Vũ An — Mã số CB 0.1296

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm số THI	Điểm số QT	Điểm chữ TB	Ghi chú
1	20800216	Nguyễn Quốc	Công			6	7	6,5	Sáu rưỡi
2	21000603	Bùi Thọ	Đạt			6	7	6,5	Sáu rưỡi
3	21001138	Trương Quang	Hoàng			7	8,1	7,5	Bảy rưỡi
4	21001524	Đào Tiến	Khoa			2	6,9	5,5	Năm rưỡi
5	21307078	Nguyễn Trung	Nguyên						✓
6	21102585	Trần Bình Thiên	Phú		RútNH				✓
7	21102871	Bùi Đình	Sang			7	7,7	7,5	Bảy rưỡi
8	21103889	Phạm Quang	Trung			6	8,2	7,5	Bảy rưỡi
9	21103945	Lê Thanh	Trực			6,5	8,0	7,5	Bảy rưỡi
10	20802424	Phạm Huy	Trường			5	0,4	2	Hai
11	21104063	Bành Thanh	Tú						✓
12	21104025	Trần Minh	Tuấn			8	8,7	8,5	Tám rưỡi
13	21104117	Nguyễn Trường	Tùng			7,5	8,2	8,0	Tám
14	21104290	Kiều Tuấn	Vũ			8	9,2	8,5	Tám rưỡi
15	21104382	Nguyễn Nghệ	Vỹ			7	7,8	8,0	Tám

Danh sách này có 15 sv. Ngày in 02/12/13
Đề nghị CBGD gởi kết quả chấm thi về PĐT trước ngày 16/01/14

Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau

Tp.HCM, *ngày* 16 *tháng* 1 *năm* 2014

Xác nhận BM/Khoa .....

(Ký và ghi rõ họ tên)

CB Chấm Trần Vũ An

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Tỉ lệ đánh giá: 100 %

Ngày nộp điểm:

BẢNG GHI ĐIỂM

Thi **Học kỳ** 1 **Năm học** 13-14
MÔN HỌC Dung sai - Kỹ thuật đo Mã MH 202013
Số tín chỉ 3 Nhóm - tổ A06 - A
Ngày thi 02/01/14 Phòng thi 304C4 Tiết thi 2-4
CBGD chính Trần Vũ An Mã số CB 0.1296

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm số THI	Điểm số QT	Điểm chữ TB	Ghi chú
1	21100024	Nguyễn Thuận	An						
2	21100144	Trần Lê Xuân	Anh			3	6,6	5,5	Năm mươi
3	21100159	Trương Hoàng	Anh			4,5	8,3	7,0	Bảy
4	21100176	Lê Hồng	Ân			4	8,0	6,5	Sáu mươi
5	21100500	Thái Nguyễn Phương	Danh						
6	21100648	Trịnh Trọng	Dũng			5	5,2	5,0	Năm
7	21100686	Hồ Văn	Dự			5,5	6,9	6,5	Sáu mươi
8	21100848	Bùi Duy	Đức			3	1,5	2,0	Hai
9	21101093	Huỳnh Minh	Hiếu			3	8,4	6,5	Sáu mươi
10	21101205	Âu Chí	Hoàng			4	8,7	7,0	Bảy
11	21101264	Trần Văn	Hoàng			6,5	8,0	7,5	Bảy mươi
12	21101311	Nguyễn Thế	Hợp			6,5	8,5	8,0	Tám
13	21101424	Lê Đình	Hùng			5,5	8,2	7,5	Bảy mươi
14	21101449	Phạm Như	Hùng			6	8,7	8,0	Tám
15	21101326	Đặng Văn	Huy			6,5	8,4	8,0	Tám
16	21101460	Bùi Khánh	Hưng			2	6,7	5,0	Năm
17	21101470	Mành Việt Bảo	Hưng			3	7,4	6,0	Sáu
18	21101472	Nghiêm Khánh	Hưng			6,5	7,2	7,0	Bảy
19	21101531	Đặng Minh	Kha			4	8,0	6,5	Sáu mươi
20	21101546	Dương Nhật	Khang			5	8,2	7,0	Bảy
21	21101705	Phan Công	Kiên						
22	21101741	Đặng Quang	Kỳ			8	7,7	8,0	Tám
23	21101791	Trần Nhật	Lâm			7	7,1	7,0	Bảy
24	21101905	Nguyễn Bảo	Long			6	5,7	5,0	Sáu
25	21101921	Thân Nhật	Long			6	8,5	7,5	Bảy mươi
26	21101965	Nguyễn Đức	Lợi			7	7,7	7,5	Bảy mươi
27	21102061	Nguyễn Đặng Tuấn	Minh			01	4,8	3,5	Ba mươi
28	21102732	Phạm Đức	Quang			5	7,7	7,0	Bảy
29	21102787	Chung Hùng	Quốc			3	7,6	6,0	Sáu
30	21102875	Lai Thế	Sang			6	7,4	7,0	Bảy

Xem tiếp trang 2

Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau

Tp.HCM, *ngày* 16 *tháng* 1 *năm* 2014

Xác nhận BM/Khoa .....

(Ký và ghi rõ họ tên)

CB Chấm Trần thị thu Hà

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG GHI ĐIỂM

Tỉ lệ đánh giá: 100 %

Ngày nộp điểm:

MÔN HỌC Thi Dung sai - Kỹ thuật đo
Số tín chỉ 3
Ngày thi 02/01/14 Phòng thi 304C4
CBGD chính Trần Vũ An

Học kỳ 1
Năm học 13-14
Mã MH 202013
Nhóm - tổ A06 - A
Tiết thi 2-4
Mã số CB 0.1296

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm số THI	Điểm số QT	Điểm chữ TB	Ghi chú
31	21102879	Nguyễn Cao	Sang			5	8,6	7,5	bảy rưỡi
32	21102891	Trần Thanh	Sáng			3	6,6	5,5	Năm rưỡi
33	21102968	Võ Ngọc	Sơn			6,5	8,8	8,0	Tám
34	20902301	Vũ Khắc Nguyên	Sơn			3	3,0	3,0	Ba
35	21102998	Nguyễn Tấn	Tài						
36	21103291	Đặng Duy	Thắng			6,5	6,8	6,5	Sáu rưỡi
37	21103309	Phạm Đức	Thắng			6	5,9	6,0	Sáu
38	21103338	Nguyễn Hoàng	Thi			6,5	6,4	6,0	Sáu
39	21104087	Phạm Thanh	Tú			6,5	8,5	8,0	Tám
40	21104139	Nguyễn Kế	Tường			6,5	8,5	8,0	Tám

Danh sách này có 40 sv. Ngày in 02/12/13

Đề nghị CBGD gởi kết quả chấm thi về PĐT trước ngày 16/01/14

Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau

Tp.HCM, *ngày* 16 *tháng* 1 *năm* 2014

Xác nhận BM/Khoa .....

(Ký và ghi rõ họ tên)

CB Chấm Khổi thị thu Hoà

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Tỉ lệ đánh giá: 100 %

Ngày nộp điểm:

BẢNG GHI ĐIỂM

Thi **Học kỳ** 1 **Năm học** 13-14
MÔN HỌC Dung sai - Kỹ thuật đo Mã MH 202013
Số tín chỉ 3 Nhóm - tổ A06 - B
Ngày thi 02/01/14 Phòng thi 302C4 Tiết thi 2-4
CBGD chính Trần Vũ An Mã số CB 0.1296

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm số (THI / QT)	Điểm chữ (TB)	Ghi chú
1	21000395	Ngô Công	Danh			4 / 4,9	4,5	Bốn rưỡi
2	21307016	Lưu Đức	Duy					V
3	21307064	Hồ Ngọc Thăng	Long			6 / 6,1	6,0	Sáu
4	21002042	Nguyễn Thành	Nam			5,5 / 5,4	5,5	Năm rưỡi
5	21104478	Hoàng Minh	Phúc			6 / 6,3	6,0	Sáu
6	21002664	Hồ Phi	Quyền			7,5 / 6,5	6,5	Sáu rưỡi
7	21103468	Phạm Quốc	Thông			8 / 5,0	6,0	Sáu
8	21103568	Nguyễn Ngọc	Tiên			6,5 / 6,4	6,5	Sáu rưỡi
9	21003393	Nguyễn Văn	Tiền			7,5 / 6,1	6,5	Sáu rưỡi
10	21103827	Phạm Luông	Trình			6 / 8,4	7,5	Bảy rưỡi
11	21103843	Nguyễn Bình	Trọng			5 / 8,7	7,5	Bảy rưỡi
12	21103905	Trịnh Thành	Trung			5,5 / 7,8	7,0	Bảy
13	21103983	Lê Văn	Tuấn			6,5 / 6,3	6,5	Sáu rưỡi
14	21104027	Trần Quốc	Tuấn			6 / 8,6	7,5	Bảy rưỡi
15	21104137	Nguyễn Bá	Tường			7 / 6,9	7,0	Bảy
16	21104228	Trần Xuân	Việt			7,5 / 7,8	7,5	Bảy rưỡi
17	21104312	Nguyễn Quang	Vũ			7 / 7,7	7,5	Bảy rưỡi
18	21104329	Trần Hoàng	Vũ			5 / 8,3	7,0	Bảy

Danh sách này có 18 sv. Ngày in 02/12/13

Đề nghị CBGD gởi kết quả chấm thi về PĐT trước ngày 16/01/14

Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau

Tp.HCM, *ngày* 16 *tháng* 1 *năm* 2014

Xác nhận BM/Khoa

(Ký và ghi rõ họ tên)

CB Chấm Trần thị thu Hoa

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Tỉ lệ đánh giá: 100 %

Ngày nộp điểm:

BẢNG GHI ĐIỂM

Thi. **Học kỳ** 1 **Năm học** 13-14
MÔN HỌC Dung sai - Kỹ thuật đo — Mã MH 202013
Số tín chỉ 3 — Nhóm - tổ TNCK -
Ngày thi 02/01/14 Phòng thi 503C4 — Tiết thi 2-4
CBGD chính Thái Thị Thu Hà — Mã số CB 0.0801

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm số THI	Điểm số QT	Điểm chữ	Ghi chú
1	21100143	Trần Hồng	Anh			6	8,9	8,0 Tám	
2	21100167	Nhâm Trọng	ánh			7	8,0	7,5 Bảy rưỡi	
3	21100256	Nguyễn Hoài	Bắc			7	8,8	8,0 Tám	
4	21100503	Trần Công	Danh			4,5	7,5	6,5 Sáu rưỡi	
5	21100661	Mai Ngọc Đại	Dương			6,5	8,5	8,0 Tám	
6	21100677	Trần Đoàn Bình	Dương			8	8,8	8,5 Tám rưỡi	
7	21100679	Trần Hoàng	Dương			7,5	8,7	8,5 Tám rưỡi	
8	21100701	Nguyễn Hữu Quốc	Đại			7	9,2	8,5 Tám rưỡi	
9	21100704	Nguyễn Tấn	Đại			6	9,4	8,5 Tám rưỡi	
10	21100733	Nguyễn Đăng Minh	Đạt			6,5	9,7	9,0 Chín	
11	21100791	Phạm Tâm	Đăng			5,5	8,3	7,5 Bảy rưỡi	
12	21100811	Trần Duy	Đỉnh			5,5	7,5	7,0 Bảy	
13	21100816	Nguyễn Hồng	Đoan			8	8,3	8,0 Tám	
14	21100845	Nguyễn Hữu	Được			5	9,1	8,0 Tám	
15	21100909	Nguyễn Châu	Giang			6,5	9,0	8,0 Tám	
16	21101128	Trần Trung	Hiếu			6,5	9,0	8,0 Tám	
17	21101223	Huỳnh Huy	Hoàng			5,5	8,4	7,5 Bảy rưỡi	
18	21101647	Nguyễn Nhật Đăng	Khoa			5,5	8,0	7,0 Bảy	
19	21101678	Ngô Lê Duy	Khôi			7	9,0	8,5 Tám rưỡi	
20	21101916	Nguyễn Văn	Long			5	7,0	6,5 Sáu rưỡi	
21	21101926	Trần Văn	Long			5,5	9,0	8,0 Tám	
22	21101940	Lê Sỹ	Lộc			5	7,2	6,5 Sáu rưỡi	
23	21101957	Trần Anh	Lộc			5	9,2	8,0 Tám	
24	21102141	Nguyễn Kỳ	Nam			7,5	8,6	8,0 Tám	
25	21102175	Vũ Thành	Nam			7,5	6,5	7,0 Bảy	
26	21102280	Võ Văn Hồng	Ngọc			6	8,6	8,0 Tám	
27	21102715	Nguyễn Đình Đăng	Quang			6,5	8,7	8,0 Tám	
28	21102780	Đào Duy	Quí			7	8,6	8,0 Tám	
29	21102801	Trần Minh	Quốc			7	8,9	8,5 Tám rưỡi	
30	21103044	Nguyễn Nhật	Tâm			9	8,7	9,0 Chín	
		Xem tiếp trang 2							

Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau

Tp.HCM, *ngày* 10 *tháng* 1 *năm* 2014

Xác nhận BM/Khoa .....
(Ký và ghi rõ họ tên)

CB Chấm .....
Nguyễn Lê Quang
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

BẢNG GHI ĐIỂM

Thi

Tỉ lệ đánh giá: 100 %

Ngày nộp điểm:

MÔN HỌC: Dung sai - Kỹ thuật đo
Số tín chỉ: 3
Ngày thi: 02/01/14
Phòng thi: 503C4
CBGD chính: Thái Thị Thu Hà

Học kỳ: 1
Năm học: 13-14
Mã MH: 202013
Nhóm - tổ: TNCK -
Tiết thi: 2-4
Mã số CB: 0.0801

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		Đề số	Chữ ký	Điểm số (THI / QT)	Điểm chữ	Ghi chú
31	21103222	Nguyễn Xuân	Thành			5,5 / 7,1	6,5 Sáu rưỡi	
32	21103227	Thái Mai	Thành			7 / 9,1	8,5 Tám rưỡi	
33	21103293	Hoàng Minh	Thắng			5 / 8,7	7,5 Bảy rưỡi	
34	21103374	Phan Văn	Thiện			6,5 / 9,1	8,5 Tám rưỡi	
35	21103389	Bùi Đức	Thịnh			8 / 8,1	8,0 Tám	
36	21103410	Nguyễn Duy	Thịnh			7 / 8,4	8,0 Tám	
37	21103487	Phạm Văn	Thuận			6 / 9,0	8,0 Tám	
38	21103658	Vương Trung	Tín			5 / 8,5	7,5 Bảy rưỡi	
39	21103713	Võ Văn	Toàn			5 / 7,2	6,5 Sáu rưỡi	
40	21103718	Nguyễn Hoàng	Tôn			6,5 / 8,9	8,0 Tám	
41	21103809	Phan Văn	Trí			8,5 / 9,0	9,0 Chín	
42	21103903	Trần Lê	Trung			4,5 / 8,8	7,5 Bảy rưỡi	
43	21104009	Nguyễn Thanh	Tuấn			6 / 9,0	8,0 Tám	
44	21104332	Trần Thanh	Vũ			7 / 9,0	8,5 Tám rưỡi	
45	21104390	Phan Đức	Xuân			5 / 9,1	8,0 Tám	

Danh sách này có 45 sv. Ngày in 02/12/13

Đề nghị CBGD gởi kết quả chấm thi về PĐT trước ngày 16/01/14

Cán bộ Coi thi và Chấm thi xem các ghi chú ở mặt sau

Tp.HCM, *ngày* 10 *tháng* 1 *năm* 2014

Xác nhận BM/Khoa .....

(Ký và ghi rõ họ tên)

CB Chấm .....

Nguyễn Lê Quang

(Ký và ghi rõ họ tên)